

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông **Võ Trường T**, sinh năm 1994; CCCD số: 048094005844 ngày cấp: 22/08/2023. Địa chỉ: Tổ B, phường S, thành phố Đà Nẵng

- Bà **Vũ Thị Hồng N**, sinh năm 1993; CCCD số: 046193001552, ngày cấp: 19/04/2021. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, thành phố Huế.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu Võ Trường T:*
Bà **Nguyễn Thị Kiều D** – Luật sư trợ giúp pháp lý tại Trung tâm T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành) ngày 09 tháng 4 năm 2026, người yêu cầu là ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N tự nguyện kết hôn vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S (nay là phường S), thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 147, do UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/8/2022). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mặc dù đã cố gắng tìm biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã

đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đã thuận tình ly hôn. Vì vậy, ông bà yêu cầu tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Ngọc Kim N1, sinh ngày: 17/01/2023. Thuận tình ly hôn, ông bà thỏa thuận, giao con Võ Ngọc Kim N1 cho bà Vũ Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Võ Trường T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N đều xác định không có tài sản chung.

[4] Về tài nợ chung: Ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N được miễn do thuộc trường hợp người khuyết tật được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 147, do UBND phường T, quận S (nay là phường S) thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/8/2022 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Ngọc Kim N1, sinh ngày: 17/01/2023. Ly hôn, ông bà thống nhất giao con Võ Ngọc Kim N1 cho bà Vũ Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Võ Trường T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N đều xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông Võ Trường T và bà Vũ Thị Hồng N được miễn do thuộc trường hợp người khuyết tật được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND phường S, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thế Tài

